TECHCOMBANK

BIỂU LÃI SUẤT TIẾT KIỆM THƯỜNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

DEPOSIT INTEREST RATES OF TRADITIONAL PRODUCT FOR INDIVIDUALS

Áp dụng trên toàn hệ thống ngày 11 tháng 08 năm 2026

Effective from Aug 11 2026

I. LÃI SUẤT TIẾT KIỆM CÓ KỲ HẠN

SAVINGS DEPOSIT INTEREST RATES

1. LÃI SUẤT TIẾT KIỆM CÓ KỲ HẠN VND

VND SAVINGS DEPOSIT INTEREST RATES

KỲ HẠN *TENOR*	TIẾT KIỆM THƯỜNG *NORMAL SAVINGS*						
	TRẢ LÃI CUỐI KỲ *INTEREST PAYMENT AT MATURITY*				TRẢ LÃI ĐỊNH KỲ *INTEREST PAYMENT AT INTERVALS*		TRẢ LÃI TRƯỚC *PREPAID INTEREST*
	PRIVATE *PRIVATE*	PRIORITY *PRIORITY*	INSPIRE *INSPIRE*	KH THƯỜNG *NORMAL CUS*	HÀNG THÁNG *MONTHLY*	HÀNG QUÝ *QUARTERLY*	
KKH *Demand*	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05
1M	4.20	4.10	3.95	3.95			3.90
2M	4.20	4.10	3.95	3.95	3.90		3.90
3M	4.50	4.40	4.25	4.25	4.20		4.20
4M	4.50	4.40	4.25	4.25	4.20		4.10
5M	4.50	4.40	4.25	4.25	4.20		4.10
6M	6.20	6.10	5.95	5.95	5.80	5.90	5.70
7M	6.20	6.10	5.95	5.95	5.80		5.70
8M	6.20	6.10	5.95	5.95	5.80		5.70
9M	6.20	6.10	5.95	5.95	5.80	5.85	5.60
10M	6.20	6.10	5.95	5.95	5.80		5.60
11M	6.20	6.10	5.95	5.95	5.80		5.60
12M	6.40	6.30	6.15	6.15	5.90	6.00	5.70
13M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.10		4.90
14M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.10		
15M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.00	5.10	4.90
16M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.00		
17M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.00		
18M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.00	5.10	4.80
19M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.00		
20M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.00		
21M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.00	5.05	
22M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.00		
23M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.00		
24M	5.50	5.40	5.25	5.25	5.00	5.00	4.70
25M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.90		
26M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.90		
27M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.90	5.00	
28M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.90		
29M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.90		
30M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.90	4.95	
31M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.90		
32M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.90		
33M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.90	4.95	
34M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.90		
35M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.80		
36M	5.50	5.40	5.25	5.25	4.80	4.90	4.50

Lưu ý: Đối với 1 số khách hàng đáp ứng các điều kiện nhất định theo quy định của Techcombank có thể được áp dụng mức lãi suất khác biệt so với biểu lãi suất niêm yết ở trên. Lãi suất áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.

Note: For customers who meet certain requirements as prescribed by Techcombank, a different interest rate may be applied compared to the interest rate table listed above.The applicable interest rate is guaranteed to comply with the regulations of the State Bank of Vietnam and Techcombank regulations on the maximum interest rate at the time.

2. LÃI SUẤT TIẾT KIỆM CÓ KỲ HẠN NGOẠI TỆ

FOREIGN CURRENCY SAVINGS DEPOSIT

KỲ HẠN *TENOR*	TRẢ LÃI CUỐI KỲ *INTEREST PAYMENT AT MATURITY*						TRẢ LÃI TRƯỚC *PREPAID INTEREST*
	USD	EUR	GBP	JPY	AUD	SGD	USD
KKH *Demand*	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
1M	0.00	0.00	0.00	0.00	0.30	0.10	0.00
2M	0.00	0.00	0.00	0.00	0.30	0.15	0.00
3M	0.00	0.05	0.05	0.05	0.50	0.20	0.00
4M - 5M	0.00	0.10	0.10	0.10	0.50	0.20	0.00
6M - 8M	0.00	0.10	0.10	0.10	0.60	0.25	0.00
9M - 11M	0.00	0.10	0.10	0.10	0.60	0.30	0.00
12M	0.00	0.10	0.10	0.10	0.60	0.35	0.00
13M	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
14M	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	
15M	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
16M - 17M	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	
18M	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
19M - 23M	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	
24M	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
25M - 35M	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	
36M	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00

Lưu ý: Bảng lãi suất mang tính chất tham khảo, vui lòng liên hệ Chi nhánh Techcombank hoặc Trung tâm dịch vụ khách hàng 1800.588.822 để biết lãi suất cập nhật nhất

Notes : The interest rate table is for reference only, please contact Techcombank Branch or Customer Service Center 1800.588.822 for the most up-to-date interest rates.

II. THÔNG BÁO

NOTICE

Ngân hàng Techcombank thông báo thay đổi phương pháp tính lãi suất tiền gửi có kỳ hạn theo thông tư số 14/2017/TT – NHNN ngày 29/09/2017 như sau:

Techcombank announces changes to the method of calculating interest rates on term deposits according to Circular No. 14/2017/TT – NHNN dated September

QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH LÃI hiệu lực ngày 01/01/2018.

REGULATION ON INTEREST CALCULATION METHOD effective from 01/01/2018.

1. Thời hạn tính lãi: Được xác định từ ngày Techcombank nhận tiền gửi đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản tiền gửi (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

Interest calculation period: Determined from the date Techcombank receives the deposit to the end of the day immediately preceding the date of full payment of the deposit (calculating the first day, omitting the last day of the interest calculation period) and the time of determining the balance to calculate interest is the end of each day within the interest period.

2. Công thức tính lãi

Interest calculation fomular

Số tiền lãi = ∑ (Số dư thực tế x số ngày duy trì số dư thực tế x Lãi suất tính lãi) / 365

Interest = ∑ (Actual balance x Actual maintain day(s) x Interst rate) / 365

Trong đó

In which

(i) Lãi suất tính lãi: được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm); một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày. Lãi suất tính lãi được quy định cụ thể tại Sổ tiết kiệm/Thẻ tiền gửi và được điều chỉnh theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.

Lãi suất tính lãi: được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm); một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày. Lãi suất tính lãi được quy định cụ thể tại Sổ tiết kiệm/Thẻ tiền gửi và được điều chỉnh theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.

(ii) Số dư thực tế : là số dư cuối ngày tính lãi của số dư tiền gửi.

Actual balance: is the balance at the end of the interest calculation day of the deposit balance.

(iii) Số ngày duy trì số dư thực tế: là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.

Acutual maintain day(s): is the number of days that the actual balance at the end of each day does not change.

Đối với khoản tiền gửi có thời gian duy trì số dư thực tế nhiều hơn một (01) ngày trong kỳ tính lãi, số tiền lãi của kỳ tính lãi (=) tổng số tiền lãi ngày của toàn bộ các ngày trong kỳ tính lãi.

For deposits with actual balance maintenance period of more than one (01) day in the interest period, the interest amount of the interest period (=) the total daily interest of all days in the interest period .